TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Trung và ông Lê Phúc Tiếng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột,tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa***.

Bà Vũ Thị Phương Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2018/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX-DSST ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: 01 Đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo Pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đ(Theo Văn bản ủy quyền số 510/QĐHĐTV- PC ngày 19 ngày 6 tháng 2014)

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Vinh L - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Ngân hàng N- Chi nhánh L (Theo giấy ủy quyền số 73/NHNo – PC ngày 12/12/2018)

Địa chỉ: Số 63 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Minh T, bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phan Thị Thúy A và anh Phan Đức T1.

Cùng nơi cư trú: Số nhà 48/01/08 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vinh L trình bày:

Ngày 29/6/2017 ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L có ký kết hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201700388 tại ngân hàng N – Chi nhánh L, tỉnh Đ để vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), lãi suất 10 %/năm, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 29/6/2017, mục đích vay sữa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt. Kỳ hạn trả nợ theo định kỳ như sau: Đối với tiền gốc: Chia thành 5 phân kỳ trả: Ngày 29/6/2018 trả 60.000.000đồng; Ngày 29/6/2019 trả 70.000.000đồng; Ngày 29/6/2020 trả 80.000.000đồng; Ngày 29/6/2021 trả 90.000.000đồng; Ngày 29/6/2022 trả 100.000.000đồng.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 515206 do UBND Tp.B cấp ngày 24/01/2005 cho hộ ông Phan Minh T, diện tích 140,6 m^2 tại phường T, Tp. B.

Quá trình vay vốn ông T, bà L đã vi phạm Hợp đồng tín dụng do không trả được nợ gốc và lãi định kỳ đến hạn mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Bà L xin trả nợ cuối tháng 8 năm 2019 thì ngân hàng không đồng ý mà yêu cầu ông T, bà L trả sau khi bản án có hiệu lực pháp luật vì đến nay khoản vay của ông T, bà L đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/6/2017 đến nay. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền là 480.330.558 đồng, trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 28/5/2019 là 80.330.558 đồng, trong đó lãi trong hạn là 77.555.558 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.775.000đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử cho đến khi trả xong số nợ gốc. Trường hợp ông bà không trả được nợ theo quy định thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2019 bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2017 bà và chồng là ông Phan Minh T có ký kết hợp đồng tín dụng tại ngân hàng N – Chi nhánh L, tỉnh Đ vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn Trăm triệu đồng), lãi suất 10 %/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sữa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt. Từ khi vay cho đến nay thì vợ chồng bà do đang gặp khó khăn nên chưa trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi suất nào cho ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số AB 515206, thửa đất số 153, tờ bản đồ số 19, diện tích 140,6 m^2 do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 24/01/2005. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi suất thì vợ chồng bà hoàn toàn đồng ý nhưng xin ngân hàng cho đến cuối tháng 8 năm 2019 sẽ trả hết số nợ cho ngân hàng và không đồng ý bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với

bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên tòa là không chấp hành theo đúng quy định pháp luật, vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam buộc ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị Lcó trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền là 480.330.558 đồng và lãi suất phát sinh còn lại theo hợp đồng tín dụng đã kí kết. Trường hợp ông T, bà L không trả được nợ thì ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng tại nơi bà Lệt, ông T, anh T1 và chị A đang còn cư trú nhưng ông T , anh T1 và chị A không đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng mà chỉ có bà L viết bản tự khai. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại số nhà 48/01/08 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là buộc bị đơn trả tiền theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đ với ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L, đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

Về số tiền vay gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng số số 5228 LAV201700388 ngày 29/6/2017 ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L có ký kết hợp đồng tín dụng tại ngân hàng N– Chi nhánh L, tỉnh Đ để vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn Trăm triệu đồng), lãi suất 10 %/năm, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ theo định kỳ, mục đích vay sữa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt. Đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi định kỳ ngày 29/6/2018 nhưng ông T, bà L không trả nợ theo như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T, bà L vẫn không trả nợ gốc, nợ lãi như đã cam kết. Như vậy, ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi định kỳ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ thực tế sang nợ quá hạn kể từ ngày 30/6/2017 và khởi kiện yêu cầu vợ chồng Phan Minh T bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng

toàn bộ số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng là phù hợp.

* Về lãi suất: Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất vay trong hợp đồng tín dụng là 10%/ năm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của giữa ngân hàng và bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Tổng số tiền lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2019) là 80.330.558 đồng, nên cần buộc ông T, bà L phải trả cho ngân hàng là phù hợp.

Như vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N buộc ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là 480.330.558đồng và phải phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5228LAV201700388 ngày 29/6/2017 kể từ ngày 29/5/2019 cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ trên.

* Đối với tài sản thế chấp**:**

Xét hợp đồng thế chấp số 20170124 ký ngày 29/6/2017 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

Khi nào ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L thanh toán hết khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 515206, thửa đất số: 153, tờ bản đồ số: 19, diện tích 140,6 m2 do UBND thành phố B cấp ngày 24/01/2005. Tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, tường xây gạch, nền lát gạch men, diện tích 120m^2. Địa chỉ thửa đất: Số nhà 48/01/08 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ cho hộ ông Phan Minh T. Nếu ông T bà L không trả được nợ thì tài sản đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp 20170124 ký ngày 29/6/2017 sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo mức tính: 480.330.558đ = 20.000.000đ + 4% x 80.330.558đồng = 23.213.000đồng (làm tròn số). Nguyên đơn không phải chịu án và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N

Buộc ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là 480.330.558 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu, ba trăm ba mươi

ngàn, năm trăm năm tám đồng). Trong đó nợ gốc: 40.000.000 đồng; Lãi suất phát sinh 80.330.558 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 28/5/2019). Kể từ ngày 29/5/2019 ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5228 LAV201700388 ngày 29/6/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

* Về tài sản thế chấp**:** Khi nào ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L thanh toán hết khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại: 01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 515206, thửa đất số: 153, tờ bản đồ số: 19, diện tích 140,6 m2 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 24/01/2005 tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, tường xây gạch, nền lát gạch men, diện tích 120m^2. Địa chỉ thửa đất: Số nhà 48/01/08 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ cho hộ ông Phan Minh T. Nếu ông T bà L không trả được nợ thì tài sản đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp 20170124 ký ngày 29/6/2017 sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Về án phí: Ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 23.213.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí và được nhận lai tạm ứng án phí là 11.076.000đồng do bà Đỗ Hoàng T nộp theo biên lai số AA/2017/0008407 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản bán được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Thị Mai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP.BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:06/2019/QĐ-SCBSBA	*Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả, trong bản án số 30/2019/DSST, ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: 01 Đường L, phường T, quận B, thành phố H

Người đại diện theo Pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đ (Theo Văn bản ủy quyền số 510/QĐHĐTV- PC ngày 19 ngày 6 tháng 2014)

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Vinh L- Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N- Chi nhánh L (Theo giấy ủy quyền số 73/NHNo – PC ngày 12/12/2018)

Địa chỉ: Số 63 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Phan Minh T, bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phan Thị Thúy A và anh Phan Đức T1.

Cùng nơi cư trú: Số nhà 48/01/08 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án 30/2019/DSST, ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như sau:

Tại dòng thứ 18 trên xuống, trang 5 của bản án đã ghi: "Buộc ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là 480.330.558 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu, ba trăm ba mươi ngàn, năm trăm năm

tám đồng). *Trong đó nợ gốc: 40.000.000 đồng;* Lãi suất phát sinh 80.330.558 đồng*"*

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "Buộc ông Phan Minh T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là 480.330.558 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu, ba trăm ba mươi ngàn, năm trăm năm tám đồng). *Trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng;* Lãi suất phát sinh 80.330.558 đồng"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Thị Mai